

Feedback System

Software Requirements Specification

DOCUMENT HISTORY AND INFORMATION

History of Amendments:

Date	Version	Modified Section	Summary of Change	Author

Distributed for Review

This document has been distributed for the following to review:

Name	Title & Company	Issue Date	Revision

Approvals

Name	Signature	Title	

Associated Documents

This document is associated with the following other documents:

Name	Title and Originator's Reference	Source	Issue Date	Version

1. Giới thiệu

Xây dựng một ứng dụng được sử dụng rộng rãi và phù hợp với mọi lứa tuổi, cung cấp các chức năng cơ bản như học từ vựng, sắp xếp câu, ôn luyện trắc nghiệm, điền khuyết từ, luyện nghe. Người dùng có thể sử dụng bằng cách đăng ký hoàn toàn miễn phí. Có tài khoản sẽ giúp người dùng có thể tích lũy điểm và lợi ích riêng của thành viên.

2. Mục tiêu

Tài liệu mô tả những chức năng chính, tương tác giữa người sử dụng với phần mềm và các phi chức năng của “Ứng dụng học ngôn ngữ”.

Tại thời điểm viết, tài liệu cần được thảo luận, nghiên cứu và phân tích kỹ hơn trước khi được ghi lại.

3. Phạm vi

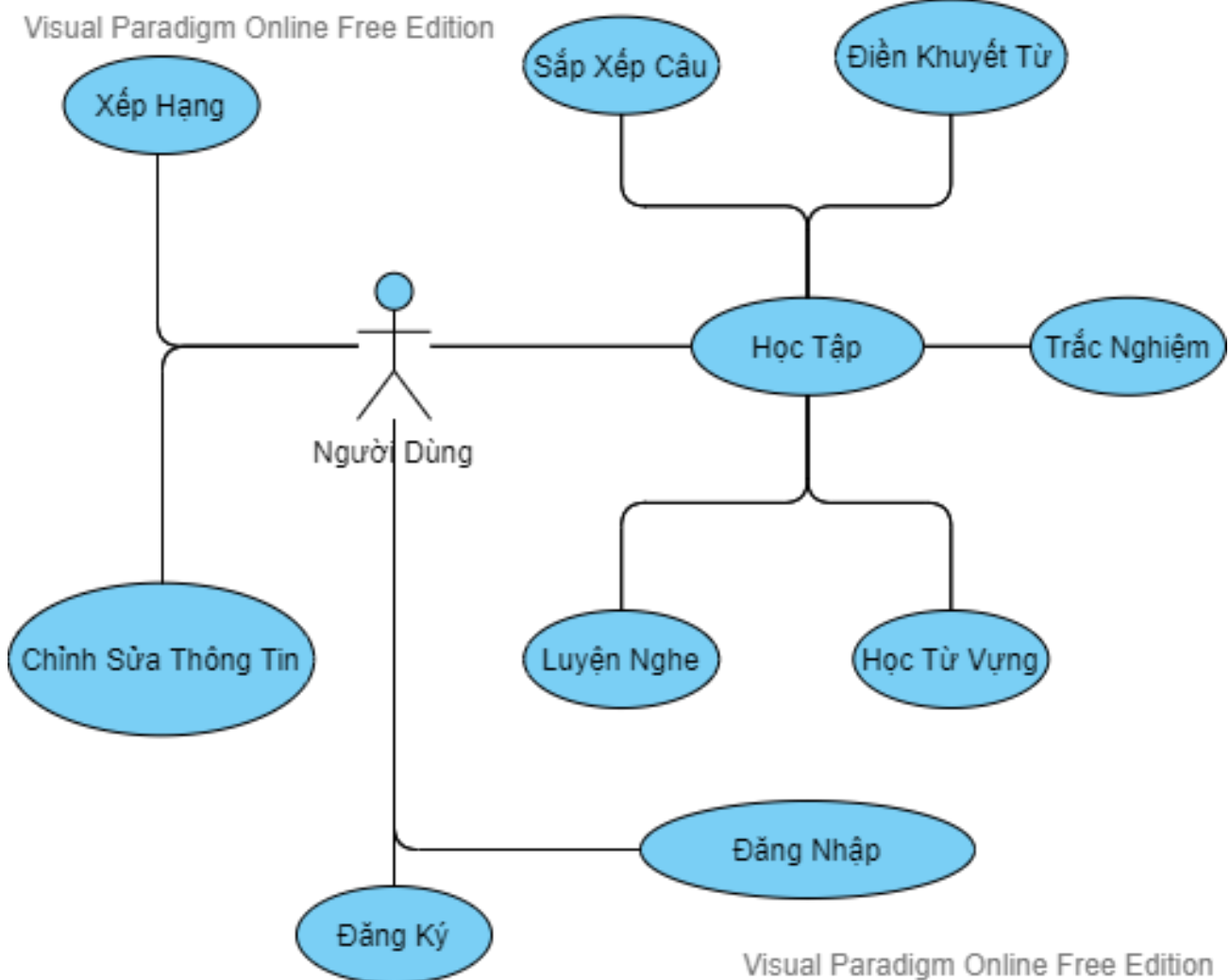
Phạm vi của tài liệu là dành cho phần mềm “Ứng dụng học ngôn ngữ”. Nó sẽ bao gồm tất cả mô tả những chức năng chính.

4. Định nghĩa, từ viết tắt

<TBD>

5. Tổng quát

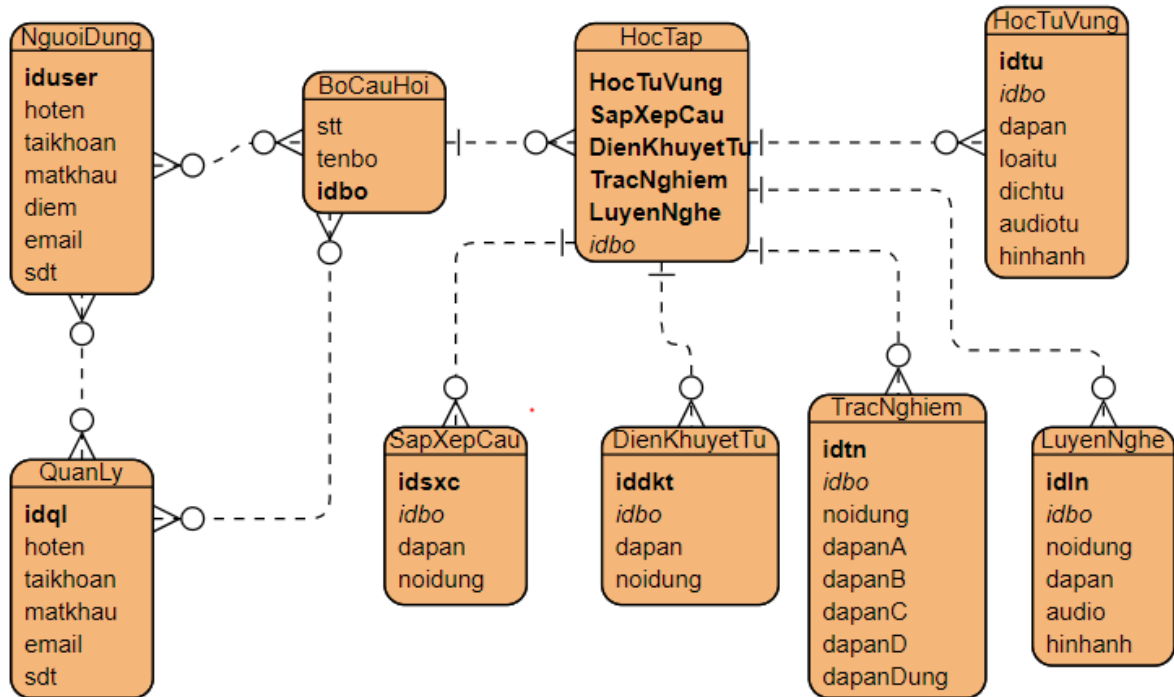
5.1 Use case diagram



UC	Name	Description
UC001	Đăng Nhập/Đăng Xuất	Cho phép Người Dùng, Quản Lý đăng nhập/ đăng xuất
UC002	Đăng Ký	Cho phép Người Dùng đăng ký
UC003	Học Tập	Cho phép Người dùng thực hiện các chức năng Học Từ Vựng,

		Sắp Xếp Câu, Trắc Nghiệm, Điền Khuyết Từ, Luyện Nghe.
UC004	Quản Lý Nội Dung	Cho phép Quản Lý thêm, sửa, xóa nội dung các chức năng.
UC005	Quản Lý Người Dùng	Cho phép Quản Lý thống kê, thêm, sửa, xóa người dùng. Cho phép Quản Lý xem danh sách người dùng.

5.2 Entity relationship diagram



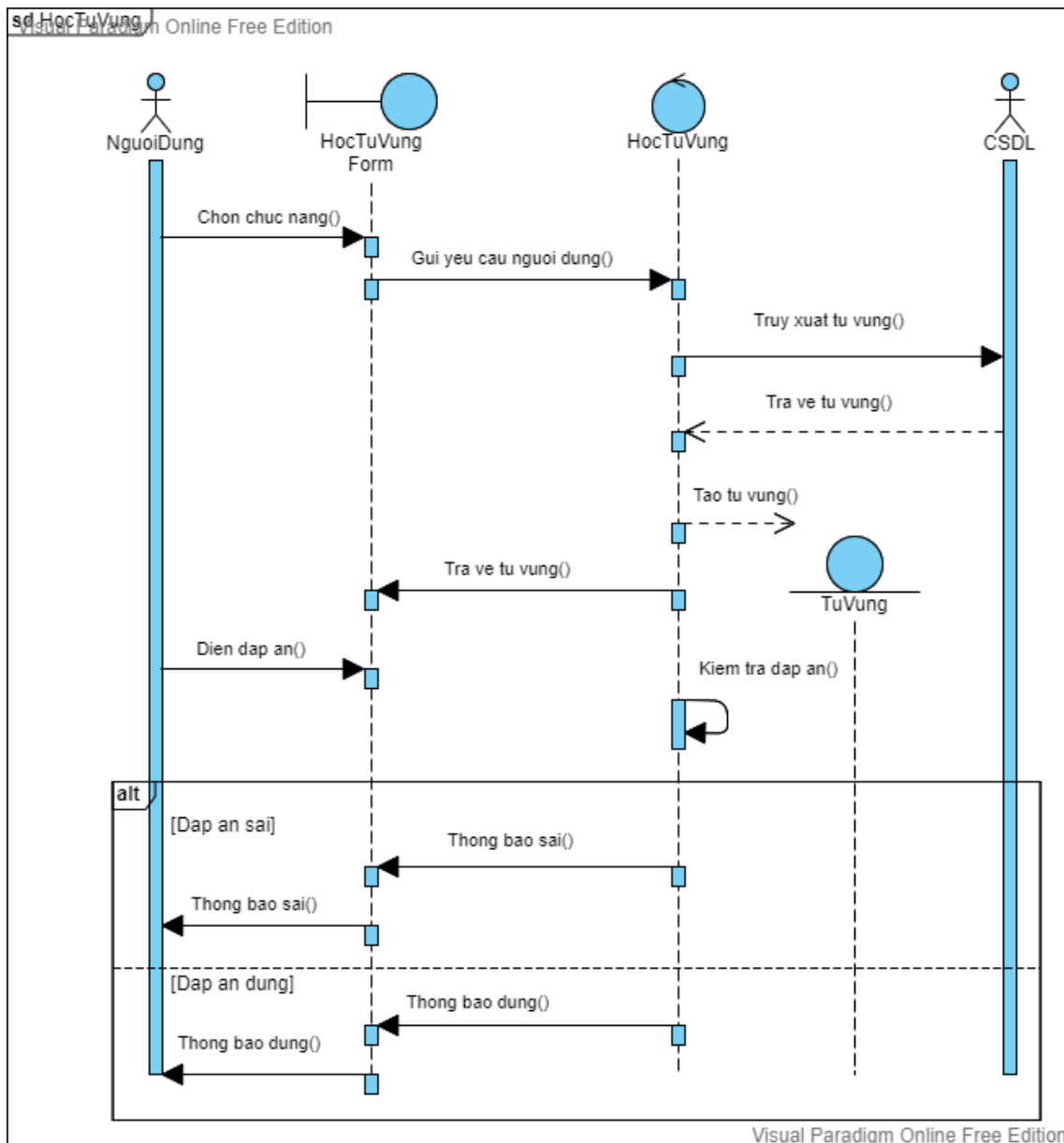
#	Entity	Description
1	NguoiDung	Thông tin và tài khoản của người dùng.
2	QuanLy	Thông tin và tài khoản của quản lý.
3	BoCauHoi	Cho biết thông tin các bộ câu hỏi để phân loại.
4	HocTap	Cho biết thông tin các chức năng trong bộ câu hỏi.
5	HocTuVung	Danh sách các từ vựng.
6	SapXepCau	Danh sách các câu sắp xếp.
7	DienKhuyetTu	Danh sách các câu điền khuyết từ.
8	TracNghiem	Danh sách các câu trắc nghiệm.
9	LuyenNghe	Danh sách các nội dung luyện nghe.

5.3 Sequence diagram

5.3.1 Học từ vựng

Function (Chức năng)	Học từ vựng
Description (Mô tả)	<ul style="list-style-type: none"> Học bằng cách nhìn hình ảnh, nghĩa, loại từ, cách phát âm của từ. Người dùng sẽ chọn cái chữ cái để ghép thành câu trả lời. Với mỗi câu trả lời đúng sẽ được điểm thưởng và qua câu hỏi khác. Nếu trả lời không đúng sẽ thông báo sai và khởi tạo lại cho người dùng làm đến khi nào đúng thì mới chuyển qua câu khác.
Inputs (Đầu vào)	<ul style="list-style-type: none"> Hình ảnh Từ ngữ Cách phát âm của từ Loại từ Đáp án chính xác Đáp án của người dùng

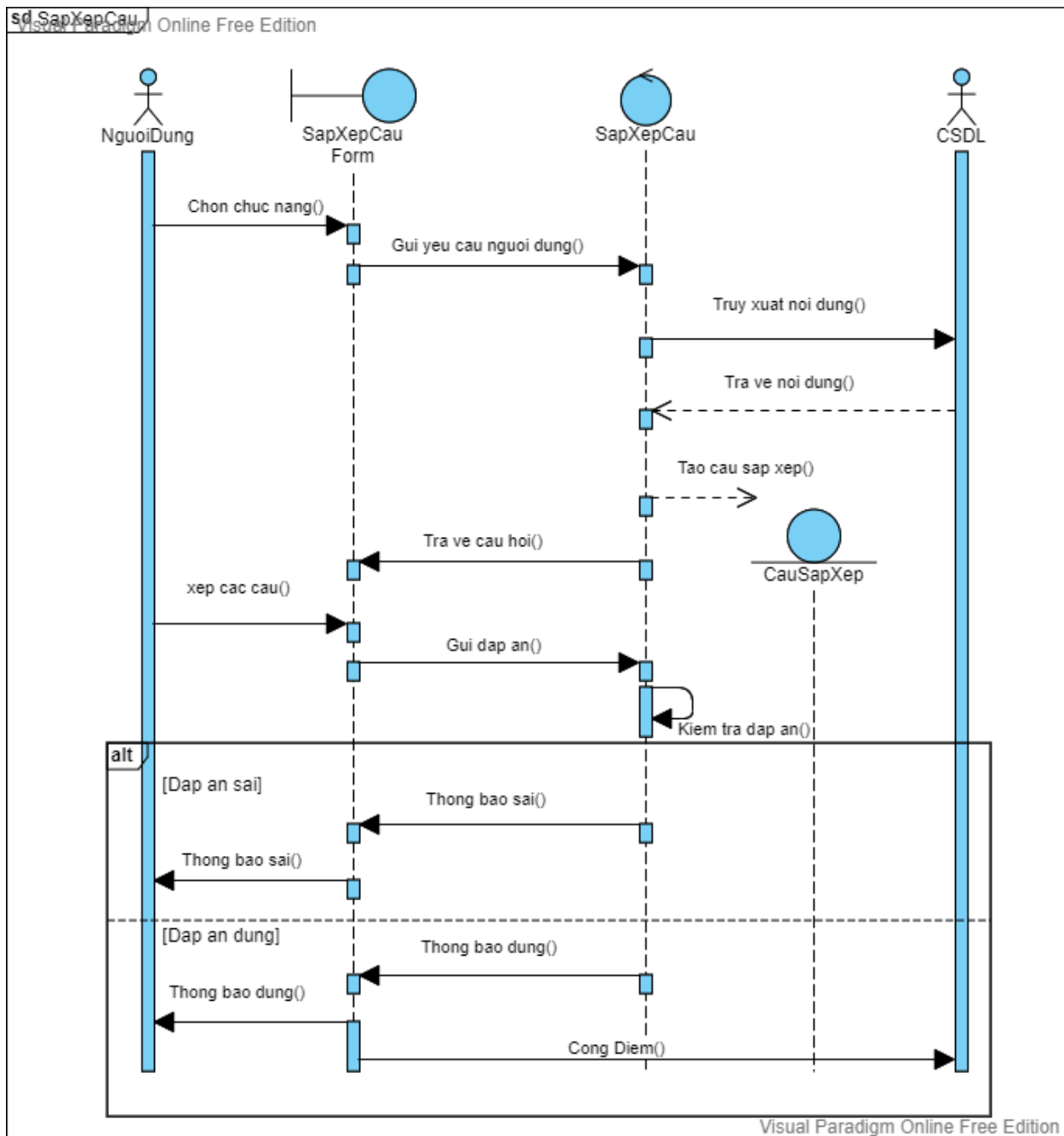
Source	<ul style="list-style-type: none"> • Xuất hình ảnh, nghĩa, loại từ và nơi nghe phát âm lên màn hình. • Lưu từ ngữ (đáp án chính xác) vào bộ nhớ.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Nếu đúng sẽ cộng điểm, sai sẽ không cộng.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	<p>Người dùng chọn chức năng “Học Từ Vựng” ở Home hoặc thanh Menu. Sau đó, chọn bộ học tập và người dùng sẽ được chuyển đến giao diện của “Học Từ Vựng”. Ở đây chương trình cung cấp hình ảnh, nghĩa, loại từ và âm thanh là gợi ý của đáp án chính xác, người dùng từ gợi ý đó chọn các chữ cái để ghép thành đáp án của bản thân. Sau đó chương trình sẽ so sánh kết quả của người dùng với đáp án chính xác và thông báo đúng/sai lên màn hình. Nếu không chính xác sẽ khởi tạo lại cho người dùng làm đến khi nào đúng thì mới chuyển qua câu khác.</p>
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng phải chọn số các chữ cái bằng với độ dài của đáp án.
Pre-condition	Đáp án của người dùng phải chọn số các chữ cái mà chương trình đưa ra và số chữ cái phải bằng độ dài đáp án.
Post-condition	Nếu đáp án của người dùng trùng với đáp án chính xác sẽ cộng điểm cho người dùng.
Side effects	Không.



5.3.2 Sắp xếp câu

Function (Chức năng)	Sắp xếp câu
Description (Mô tả)	Chọn và sắp xếp câu tiếng anh sao cho phù hợp với cấu trúc và ngữ pháp.

Inputs (Đầu vào)	Thứ tự lựa chọn của người dùng.
Source	Các phần của câu được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ở SQLite.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Các từ được sắp xếp theo đúng thứ tự.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng chọn chức năng “Sắp Xếp Câu” ở Home hoặc thanh Menu. Sau đó, chọn bộ học tập và người dùng sẽ được chuyển đến giao diện của “Sắp Xếp Câu”. Ở đây sẽ có bốn phần của câu được sắp xếp ngẫu nhiên, nhiệm vụ của người dùng là chọn các phần theo đúng thứ tự của đáp án. Nếu không chính xác sẽ khởi tạo lại cho người dùng làm đến khi nào đúng thì mới chuyển qua câu khác.
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng xếp đúng thứ tự và nhấn phím hoàn thành.
Pre-condition	Phải xếp đầy đủ các phần của câu vào các ô trống.
Post-condition	Nếu đáp án của người dùng trùng với đáp án chính xác sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm. Nếu thông báo không chính xác thì phải làm lại.
Side effects	Không.



5.3.3 Điền khuyết từ

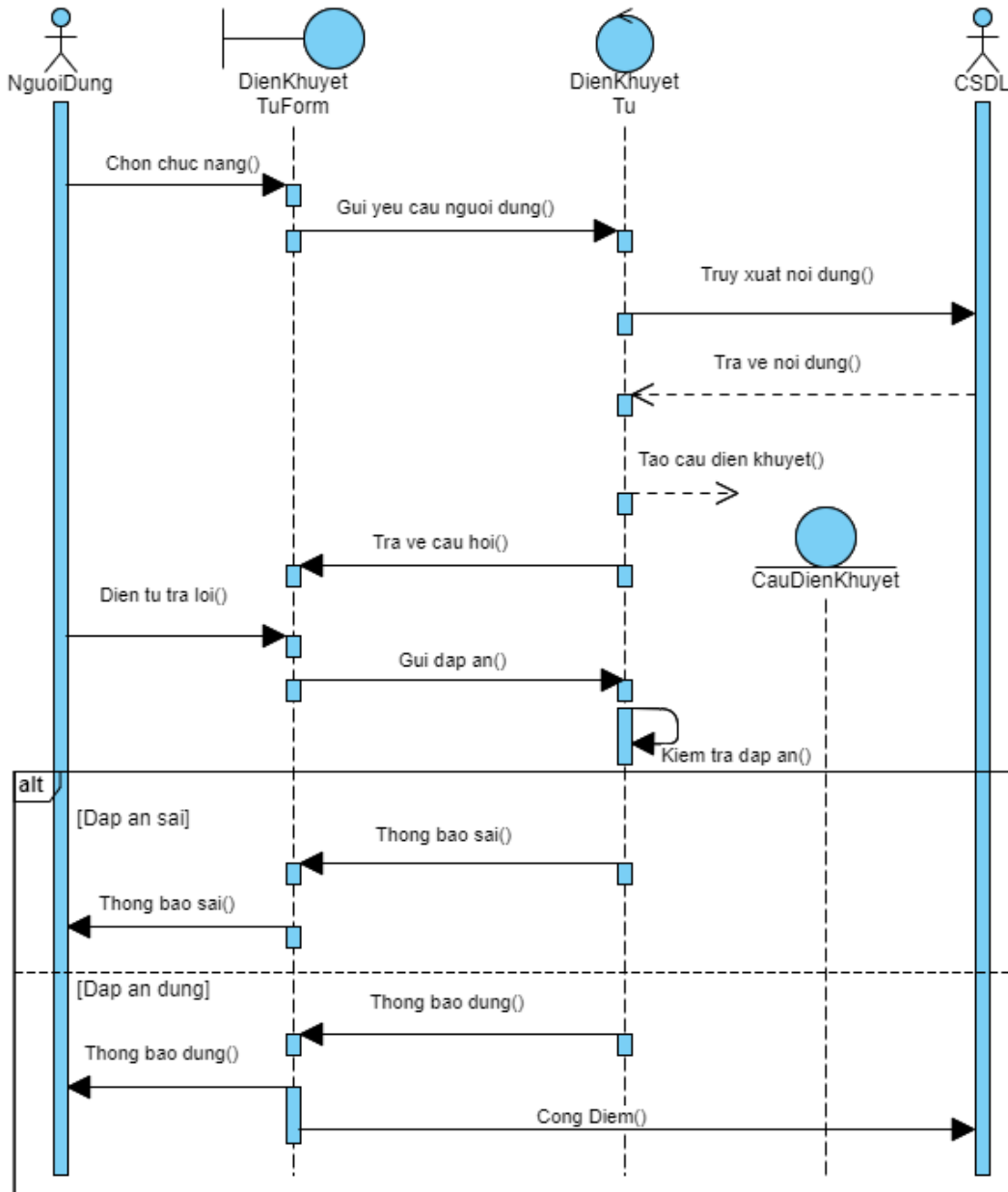
Function (Chức năng)	Điền khuyết từ
-------------------------	----------------

Description (Mô tả)	Điền từ vào chỗ trống để tạo thành câu đúng.
Inputs (Đầu vào)	Từ được người dùng điền vào câu.
Source	Các câu được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Từ được điền vào đúng, phù hợp với câu
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng chọn chức năng “Điền Khuyết” ở Home hoặc thanh Menu. Sau đó, chọn bộ học tập và người dùng sẽ được chuyển đến giao diện của “Điền Khuyết”. Ở đây sẽ có một câu trong đó có khoảng trống cho người dùng nhập vào và các gợi ý được đưa ra. Người dùng nhập từ để điền vào chỗ trống, nếu từ người dùng nhập vào không chính xác hệ thống sẽ hiện đáp án chính xác và thông báo sai, tiếp tục nhấn nút trả lời để qua câu khác hoặc sẽ được tự động chuyển.
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng điền đúng từ và nhấn phím trả lời.
Pre-condition	Từ được điền vào phải đúng số từ và không có khoảng trống dư thừa.
Post-condition	Nếu đáp án của người dùng trùng với đáp án chính xác sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm. Nếu thông báo không chính xác thì phải làm lại và hiện đáp án.

Side effects

Không.

sd DienKhuyetTu J
Visual Paradigm Online Free Edition



Visual Paradigm Online Free Edition

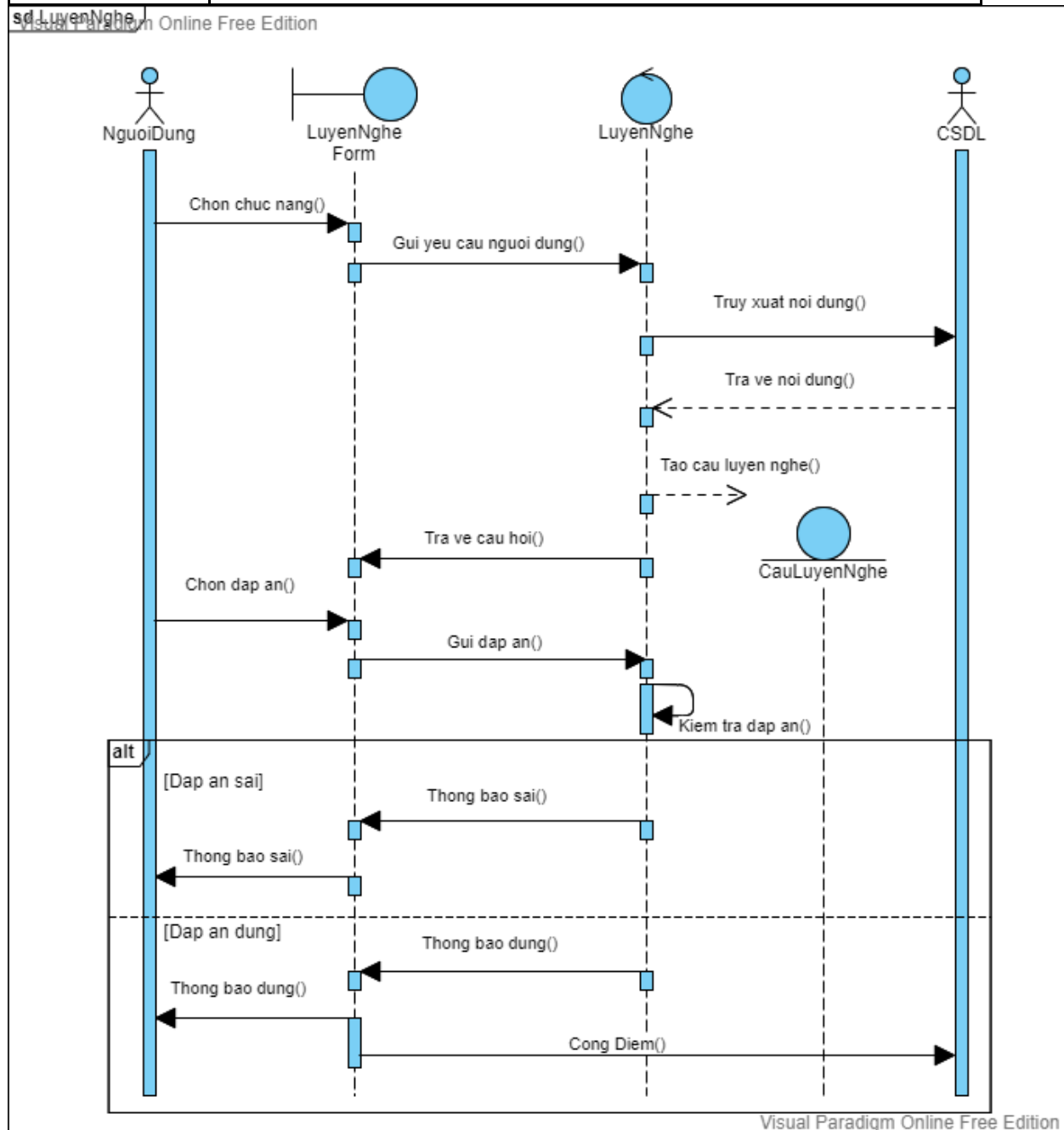
5.3.4 Luyện nghe

Function
(Chức

Luyện nghe

năng)	
Description (Mô tả)	Người dùng có thể nghe câu mô tả đáp án bức tranh.
Inputs (Đầu vào)	Chọn đáp án mô tả bức tranh.
Source	Các đoạn thoại và hình ảnh được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Phát ra đoạn nghe mô tả bức tranh trên màn hình.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng chọn chức năng “Luyện Nghe” ở Home hoặc thanh Menu. Sau đó, chọn bộ học tập và người dùng sẽ được chuyển đến giao diện của “Luyện Nghe”. Ở đây sẽ hiện ra bức tranh và các đáp án, người dùng chọn biểu tượng loa để phát ra giọng đọc và tiến hành chọn đáp án. Nếu đáp người dùng chọn không chính xác hệ thống sẽ hiện đáp án chính xác và thông báo sai, nếu đúng sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm cho người chơi. Người chơi chọn nút hoàn thành để chuyển sang câu tiếp theo.
Requirements (Yêu cầu)	Người chọn vào biểu tượng loa để phát giọng đọc và nút hoàn thành.
Pre-condition	Người chọn vào biểu tượng loa để phát giọng đọc và chọn một trong bốn đáp án.

Post-condition	Nếu đáp án của người dùng trùng với đáp án chính xác sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm. Nếu thông báo không chính xác thì không cộng điểm.
Side effects	Không.



5.3.5 Trắc Nghiệm

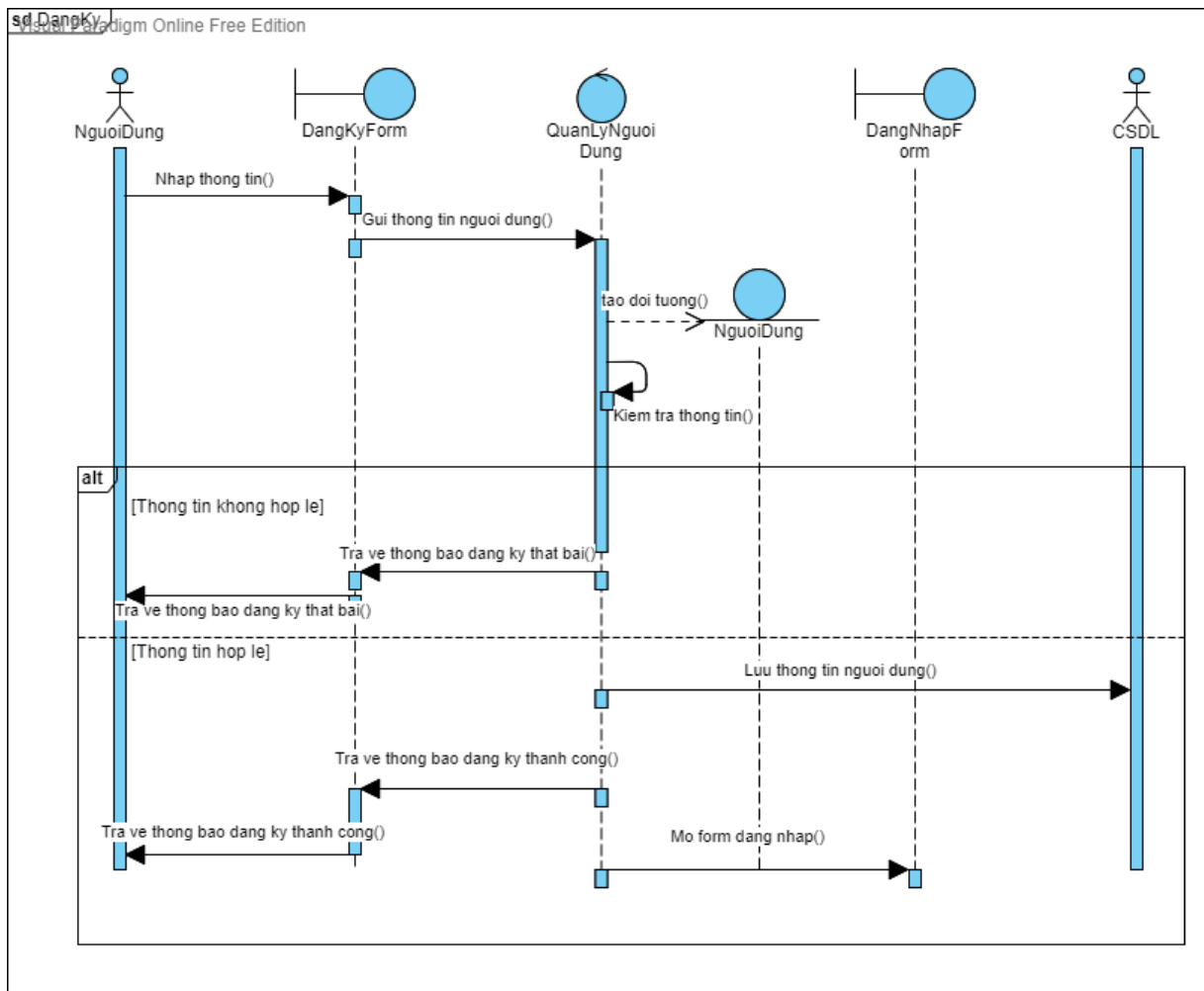
Function (Chức năng)	Trắc nghiệm
Description (Mô tả)	Người dùng chọn một trong bốn đáp án thỏa yêu cầu của câu hỏi.
Inputs (Đầu vào)	Chọn một trong bốn đáp án.
Source	Các câu hỏi, đáp án và lựa chọn được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Hiển thị nội dung và các lựa chọn lên màn hình.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng chọn chức năng “Trắc Nghiệm” ở Home hoặc thanh Menu. Sau đó, chọn bộ học tập và người dùng sẽ được chuyển đến giao diện của “Trắc Nghiệm”. Ở đây sẽ hiện ra nội dung và các lựa chọn lên màn hình để tiến hành chọn đáp án. Nếu đáp người dùng chọn không chính xác hệ thống sẽ hiện đáp án chính xác và thông báo sai, nếu đúng sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm cho người chơi. Người chơi chọn nút hoàn thành để chuyển sang câu tiếp theo.
Requirements (Yêu cầu)	Người nhấn nút hoàn thành.

Pre-condition	Người chọn đáp án và nhấn nút hoàn thành.
Post-condition	Nếu đáp án của người dùng trùng với đáp án chính xác sẽ hiện ra thông báo chính xác và cộng điểm. Nếu thông báo không chính xác thì không cộng điểm.
Side effects	Không.



Function (Chức năng)	Đăng ký
---------------------------------	---------

Description (Mô tả)	Người dùng đăng ký tài khoản để đăng nhập vào ứng dụng.
Inputs (Đầu vào)	Người dùng nhập các thông tin họ và tên, email, mật khẩu, số điện thoại.
Source	Không
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Tạo được tài khoản từ thông tin cung cấp
Destination	Truy cập vào màn hình đăng nhập.
Action	Người dùng nhập thông tin vào form đăng ký sau đó hệ thống sẽ kiểm tra tài khoản có tạo được hay không, nếu không sẽ yêu cầu người dùng nhập lại thông tin chính xác
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng nhập đầy đủ thông tin
Pre-condition	Email nhập chính xác, mật khẩu không có dấu, khoảng trắng và chỉ được dùng số và chữ, độ dài mật khẩu từ 8-16 kí tự
Post-condition	Email phải chính xác và tồn tại, mật khẩu phải thỏa yêu cầu.
Side effects	Không.

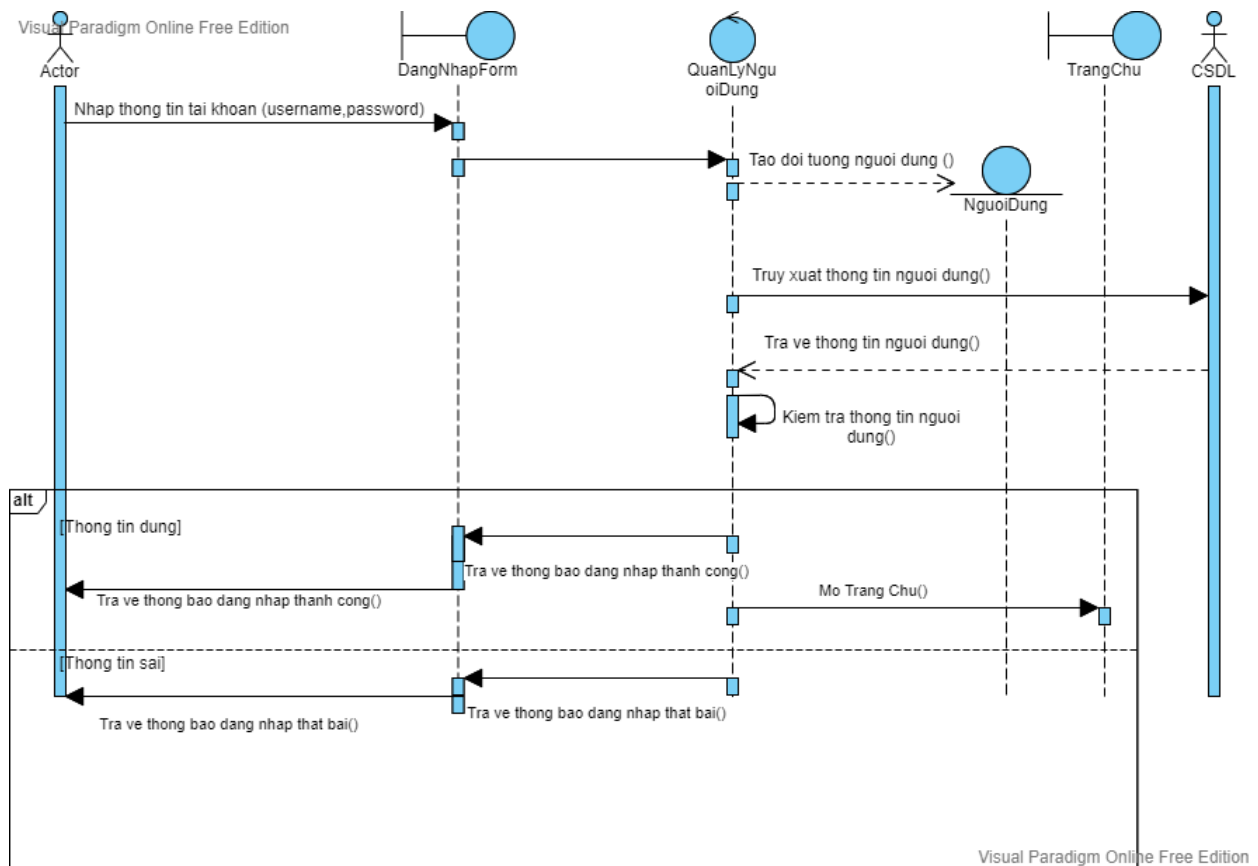


Visual Paradigm Online Free Edition

5.3.7 Đăng nhập

Function (Chức năng)	Đăng nhập
Description (Mô tả)	Người dùng đăng nhập vào hệ thống sau khi đã đăng ký tài khoản

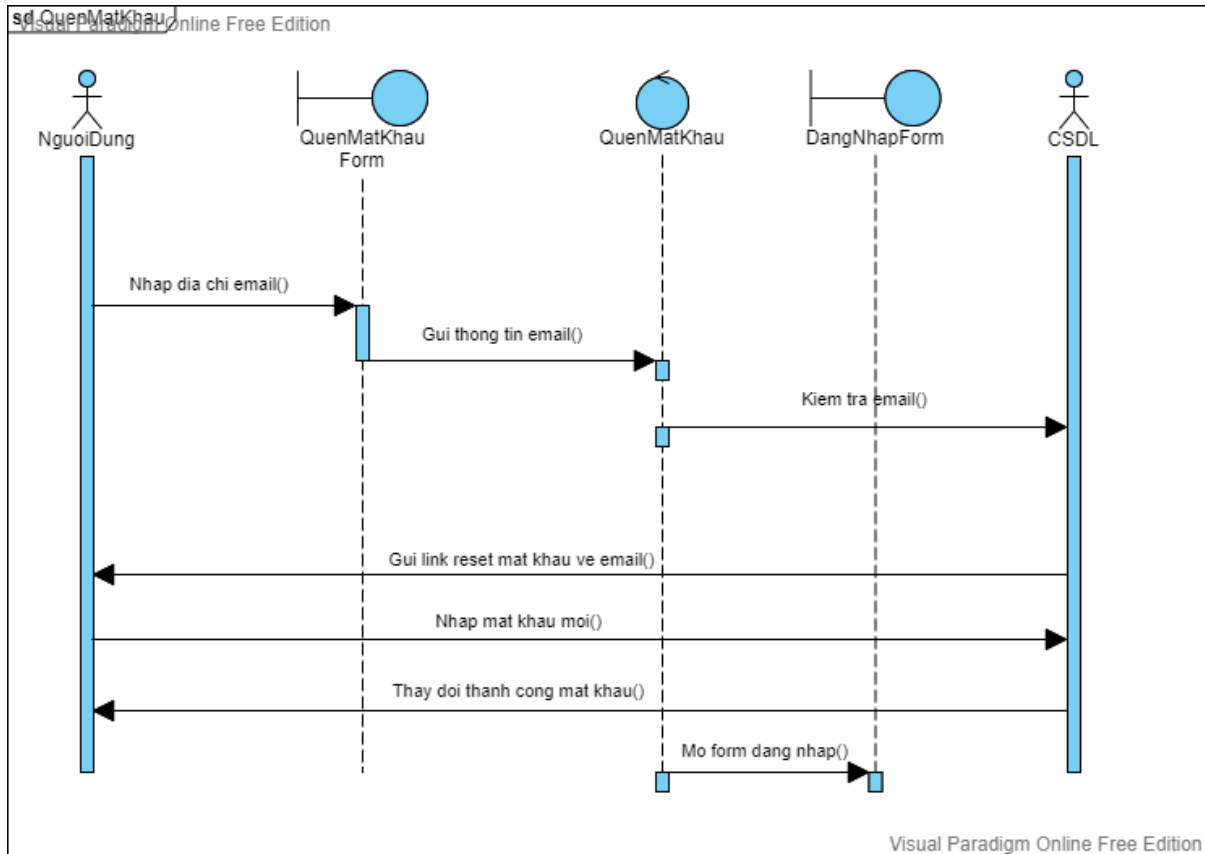
Inputs (Đầu vào)	Tên tài khoản, mật khẩu
Source	Được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite và Firebase
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Đúng Email đã đăng ký trước đó
Destination	Truy cập vào màn hình chính học tập
Action	Người dùng đăng nhập bằng Email đã đăng ký. Nếu tài khoản đúng thì đăng nhập thành công vào ứng dụng, nếu đăng nhập sai thì yêu cầu nhập lại thông tin Email và mật khẩu.
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng nhập tên tài khoản và mật khẩu
Pre-condition	Email đúng định dạng, mật khẩu không có dấu, khoảng trắng và chỉ có số và chữ
Post-condition	Email, mật khẩu phải chính xác
Side effects	Không.



5.3.8 Quên Mật Khẩu

Function (Chức năng)	Quên mật khẩu
Description (Mô tả)	Người dùng quên mật khẩu của Email đã đăng ký.
Inputs (Đầu vào)	Email đã được đăng ký.
Source	Được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite và Firebase

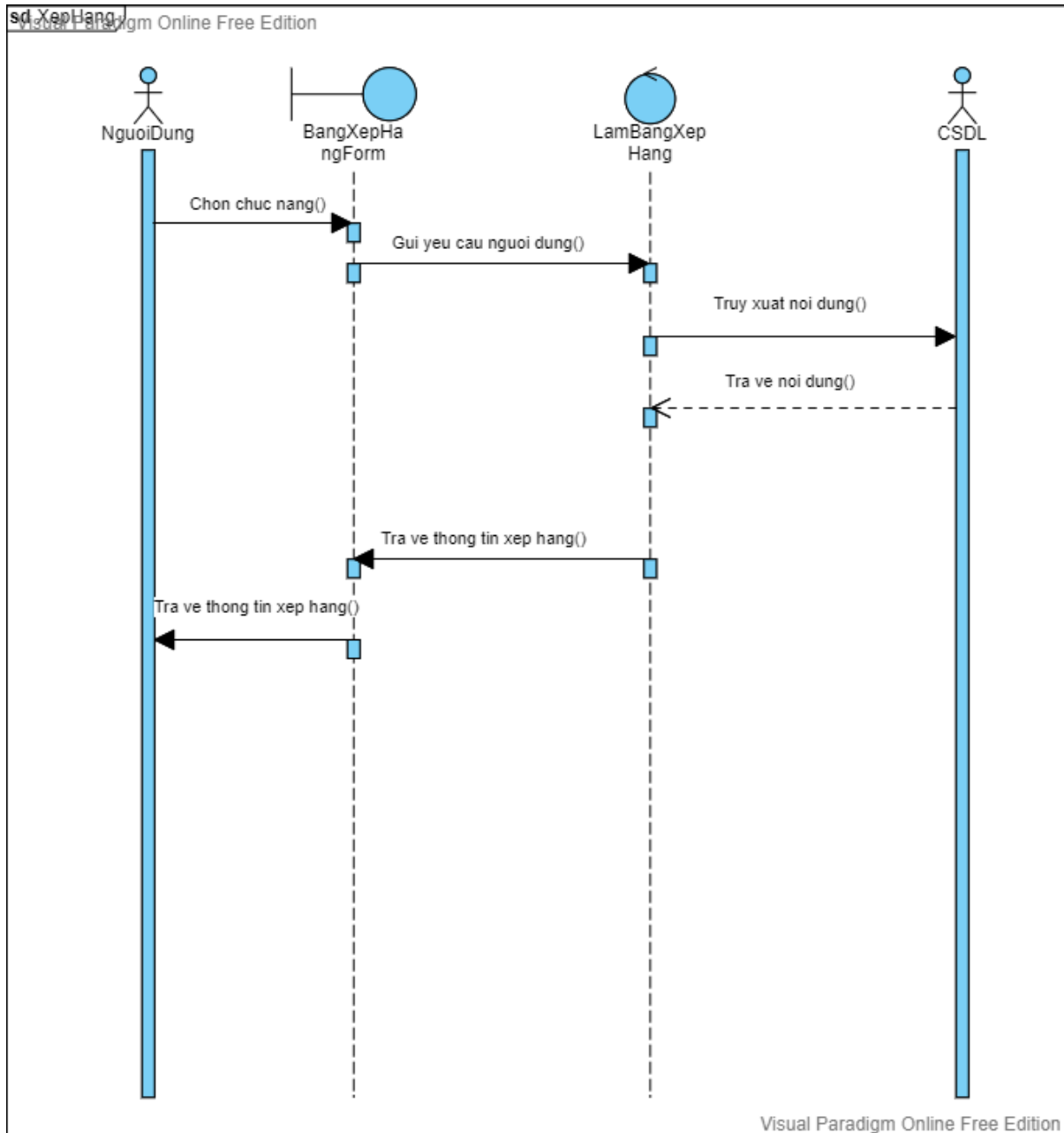
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Đúng Email đã đăng ký trước đó
Destination	Truy cập vào màn hình đăng nhập
Action	Người dùng nhập vào Email đã đăng ký. Nếu Email đúng thì hệ thống sẽ tiến hành gửi mail đến hộp thư đến của Email đó và yêu cầu người dùng cập nhật lại mật khẩu, nếu sai sẽ thông báo và yêu cầu nhập lại thông tin tài khoản và mật khẩu.
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng nhập Email đã được đăng ký.
Pre-condition	Email đúng định dạng.
Post-condition	Email phải chính xác và được đăng ký.
Side effects	Không.



5.3.9 Xếp hạng người dùng

Function (Chức năng)	Xếp hạng người dùng
Description (Mô tả)	Người dùng muốn xem xếp hạng điểm của mình so với các người dùng khác và bảng xếp hạng điểm của tất cả các người dùng.
Inputs (Đầu vào)	Yêu cầu truy cập.
Source	Được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite và Firebase.

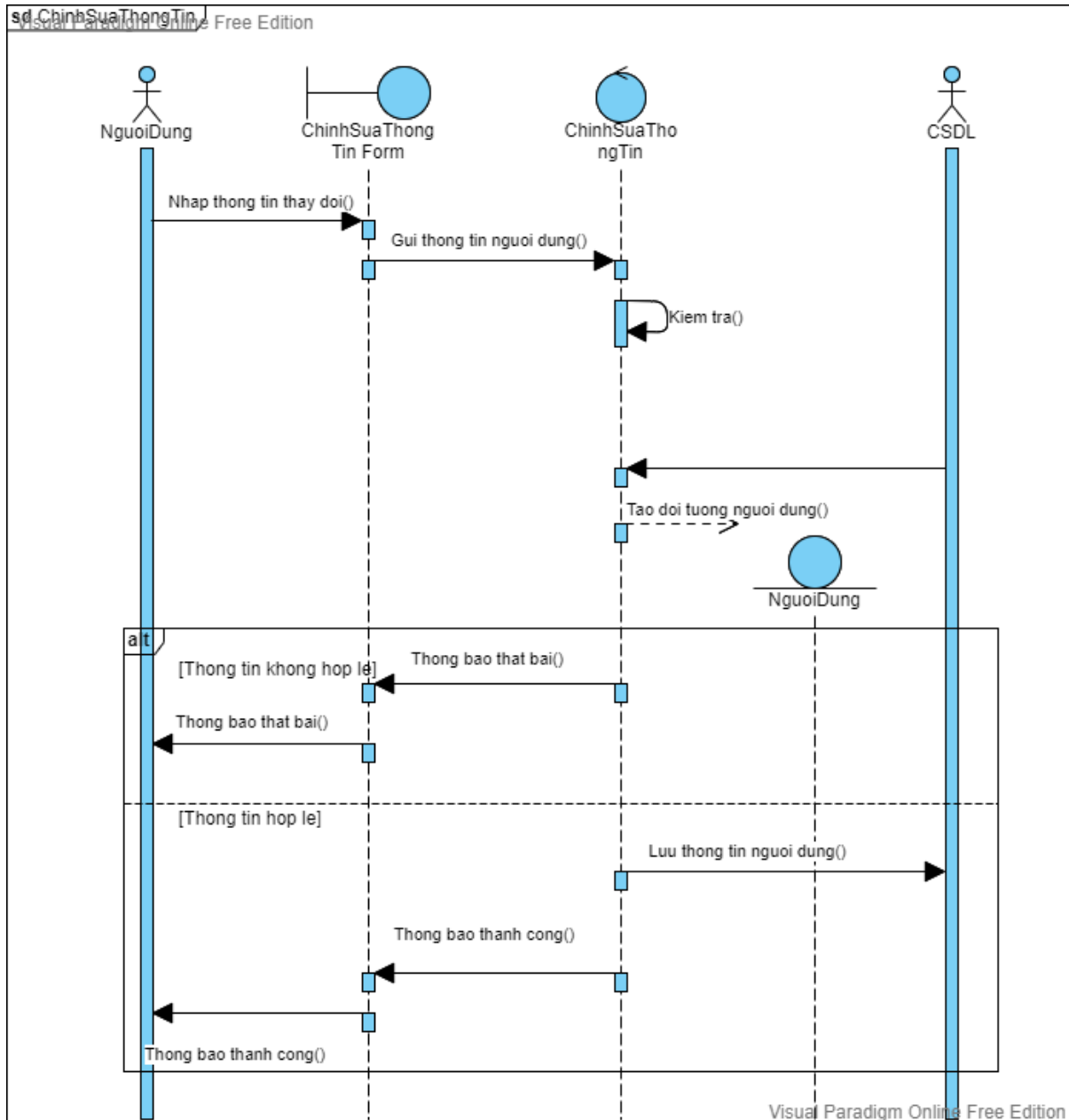
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Thông tin được lấy ra từ cơ sở dữ liệu và xếp hạng.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng muốn xem thứ hạng của bản thân và các người dùng khác trên bảng xếp hạng của ứng dụng
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng yêu cầu truy cập.
Pre-condition	Không có.
Post-condition	Không có
Side effects	Không.



5.3.10 Chỉnh sửa thông tin người dùng

Function (Chức năng)	Chỉnh sửa thông tin người dùng
---------------------------------	--------------------------------

Description (Mô tả)	Người dùng muốn chỉnh sửa các thông tin(có thể thay đổi) của tài khoản.
Inputs (Đầu vào)	Thông tin muốn thay đổi.
Source	Được lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu SQLite và Firebase.
Outputs (Đầu ra/ kết quả)	Thông tin được thay đổi và cập nhật lên cơ sở dữ liệu SQLite và Firebase.
Destination	Chương trình chính (hàm Main).
Action	Người dùng nhập vào những thông tin mà mình muốn thay đổi. Nếu thông tin hợp lệ thì hệ thống sẽ tiến hành cập nhật dữ liệu mới của tài khoản lên cơ sở dữ liệu và thông báo thành công, nếu không hợp lệ sẽ thông báo và trả về thông tin cũ của tài khoản.
Requirements (Yêu cầu)	Người dùng nhập thông tin mới vào.
Pre-condition	Thông tin thỏa yêu cầu của hệ thống.
Post-condition	Thông tin mới phải khác với thông tin hiện tại.
Side effects	Không.



5.4 Environment:

- ❖ Database: SQLite
- ❖ IDE Code: Android Studio
- ❖ JDK: 1.8+
- ❖ Source Management: Git

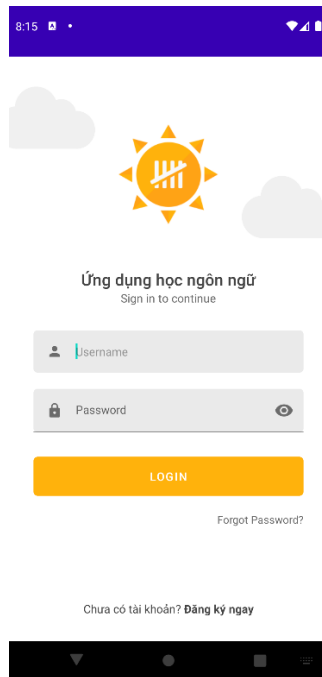
6. Functionality Requirements

6.1 Đăng Nhập

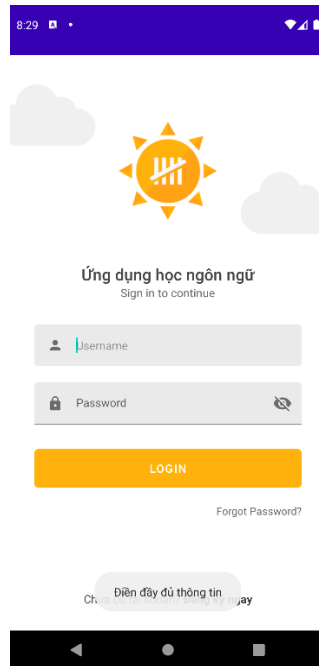
Người dùng sẽ nhập Username và Password để đăng nhập vào hệ thống

- Username: chỉ chứa kí tự và số, không được để trống.
- Password: chỉ chứa kí tự và số, không được để trống
- Đăng nhập với tư cách là **Người dùng**.

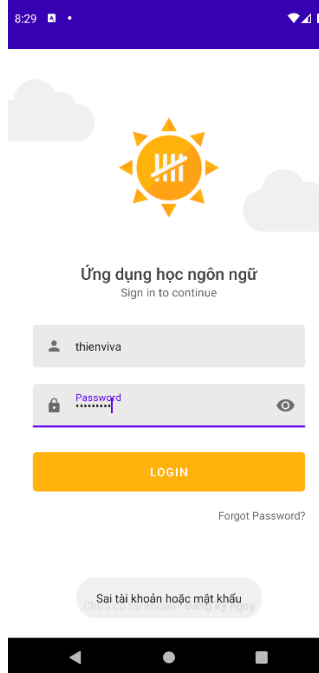
Trường hợp nội dung nhập vào không đúng như yêu cầu sẽ thông báo lỗi theo từng trường hợp tương ứng.



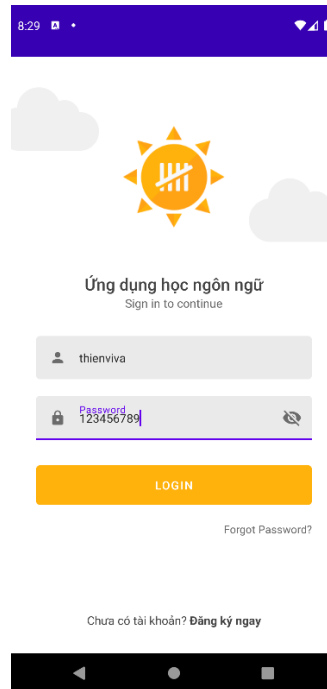
Message báo lỗi khi người dùng không nhập username/password



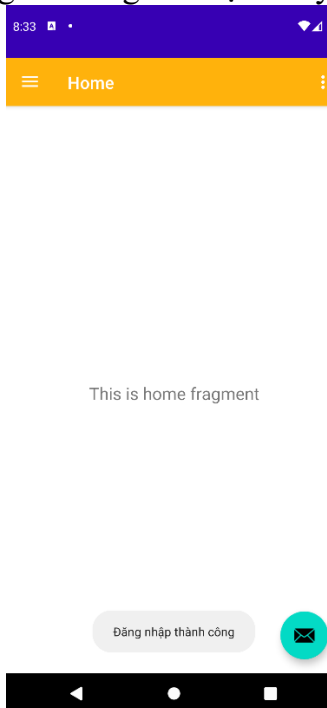
Message báo lỗi khi người dùng nhập sai username/password




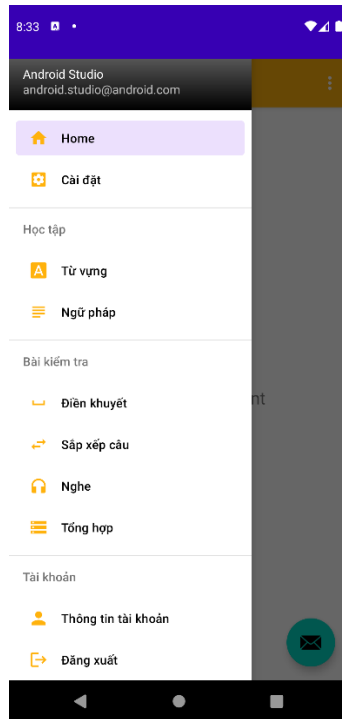
Người dùng có thể nhấp vào biểu tượng “” để hiển thị mật khẩu mình đã nhập



Sau khi đăng nhập thành công người dùng sẽ được chuyển đến trang Home của ứng dụng



Ở trang Home của ứng dụng người dùng có thể nhấn vào biểu tượng “” để chọn các chức năng



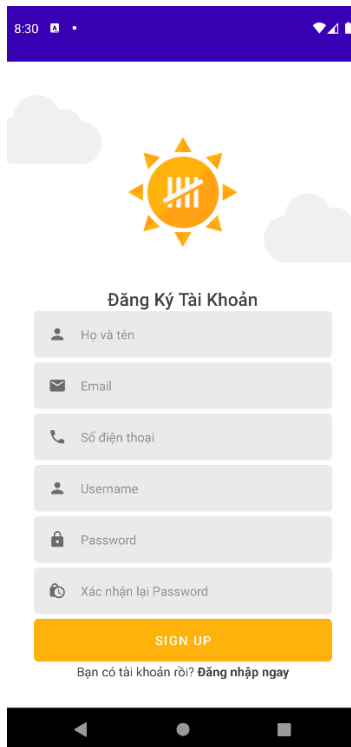
6.2 Đăng Ký

Nếu người dùng chưa có tài khoản có thể nhấn vào “**Đăng ký ngay**” để tiến hành đăng ký tài khoản.

Người dùng sẽ nhập Username và Password để đăng nhập vào hệ thống

- Họ và tên: chỉ chứa kí tự, không được để trống.
- Email: dữ liệu nhập vào theo kiểu địa chỉ email.
- Số điện thoại: chỉ chứa số, không được để trống.
- Username: chỉ chứa kí tự và số, không được để trống.
- Password: chỉ chứa kí tự và số, không được để trống.
- Xác nhận lại Password: chỉ chứa kí tự và số, không được để trống, phải trùng với Password.
- Đăng ký với tư cách là **Người dùng**.

Trường hợp nội dung nhập vào không đúng như yêu cầu sẽ thông báo lỗi theo từng trường hợp tương ứng.



8:30

Đăng Ký Tài Khoản

Họ và tên

Email

Số điện thoại

Username

Password

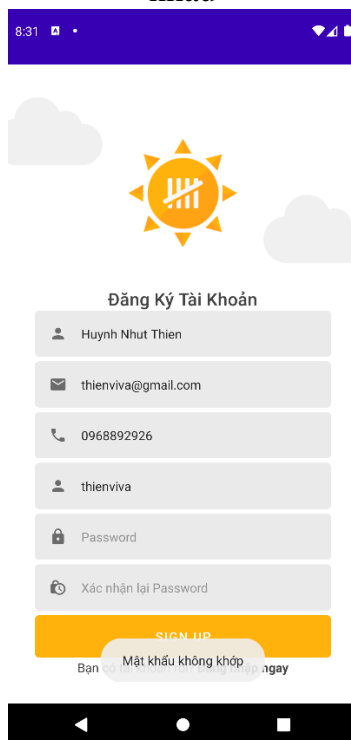
Xác nhận lại Password

SIGN UP

Bạn có tài khoản rồi? Đăng nhập ngay

This is a mobile app registration screen. At the top, there is a status bar showing the time 8:30 and battery level. Below it is a decorative header with a sun icon and clouds. The main title is 'Đăng Ký Tài Khoản' (Register Account). There are six input fields: 'Họ và tên' (Full name), 'Email', 'Số điện thoại' (Phone number), 'Username', 'Password', and 'Xác nhận lại Password' (Confirm password). Below the fields is a yellow 'SIGN UP' button. At the bottom, there is a link 'Bạn có tài khoản rồi? Đăng nhập ngay' (Do you have an account? Log in now).

Message báo lỗi khi người dùng nhập password và xác nhận lại password không trùng nhau



8:31

Đăng Ký Tài Khoản

Huỳnh Nhut Thien

thienviva@gmail.com

0968892926

thienviva

Password

Xác nhận lại Password

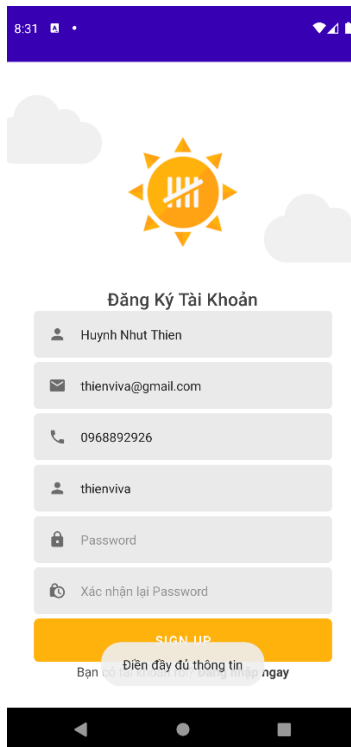
SIGN UP

Mật khẩu không khớp

Bạn có tài khoản rồi? Đăng nhập ngay

This is a mobile app registration screen, similar to the one above, but with an error message. The status bar shows the time 8:31. The title is 'Đăng Ký Tài Khoản'. The input fields are filled with: 'Họ và tên' (Huỳnh Nhut Thien), 'Email' (thienviva@gmail.com), 'Số điện thoại' (0968892926), 'Username' (thienviva), 'Password', and 'Xác nhận lại Password'. Below the fields is a yellow 'SIGN UP' button. A red error message 'Mật khẩu không khớp' (Passwords do not match) is displayed above the button. At the bottom, there is a link 'Bạn có tài khoản rồi? Đăng nhập ngay' (Do you have an account? Log in now).

Message báo lỗi khi người dùng nhập không đủ thông tin

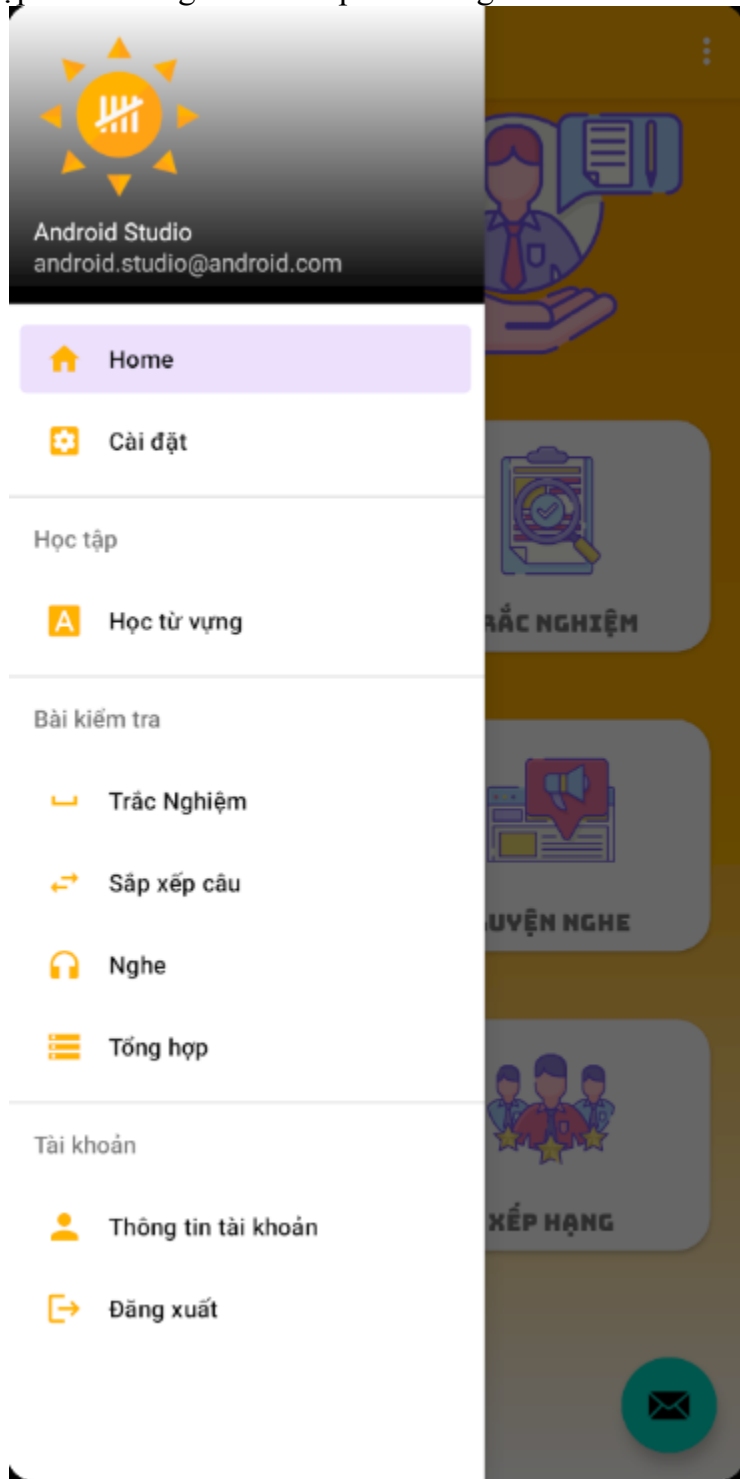


Message khi người dùng đăng ký thành công



6.3 Xem thông tin tài khoản

- Sau khi đăng nhập thành công nhấn vào phần thông tin tài khoản



- Giao diện thông tin đăng nhập sẽ hiện ra

The image shows a user profile update form on a yellow background. At the top left is a logo featuring a graduation cap and books, with the text 'DUY LAP' and 'lap' below it. To the right of the logo are two yellow boxes: the first contains a red and yellow 'A+' award medal, and the second contains a large black letter 'O'. Below these are four input fields for user information, each with a label and an icon: 'Họ Tên' (Last Name) with a person icon, 'Email' with an envelope icon, 'Số điện thoại' (Phone Number) with a phone icon, and 'Mật khẩu' (Password) with a dot icon. A yellow button labeled 'CẬP NHẬT' (Update) is at the bottom.

DUY LAP
lap

A+

O

Họ Tên
Duy Lap

Email
lap@gmail.com

Số điện thoại
0965596519

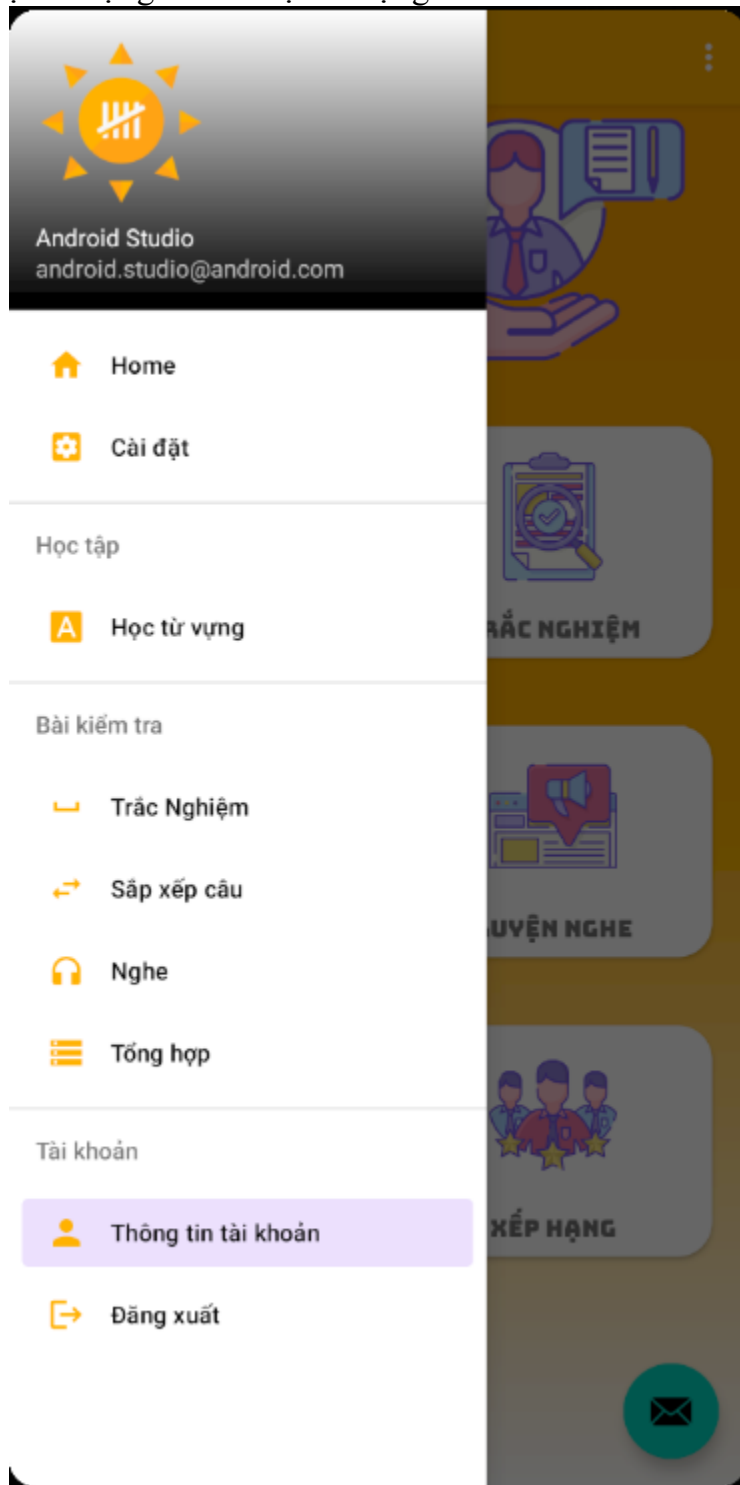
Mật khẩu
•

CẬP NHẬT

- Người dung có thể cập nhật lại thông tin tài khoản của mình bằng cách : nhập lại thông tin và nhấn vào nút cập nhật để lưu những thay đổi

6.4 Học từ vựng

- Nhấn vào mục học từ vựng để vào học từ vựng



- Giao diện hiện ra sẽ là các bộ học tập cho người dùng chọn

Hello! Learning!



Bộ Học Tập Số 1



Bộ Học Tập Số 2




Bộ Học Tập Số 3




Bộ Học Tập Số 4


- Sau đó danh sách từ vựng trong bộ sẽ hiện ra , người dùng có thể xem và nhấn vào ôn tập để tiến hành học từ vựng trong bộ

Từ vựng





president(Danh từ):
 Tổng thống







customer(Danh từ):
 Khách hàng







purchase(Động từ):
 Mua






item(Danh từ):
 Món hàng






consultant(Danh từ):
 Tư vấn viên

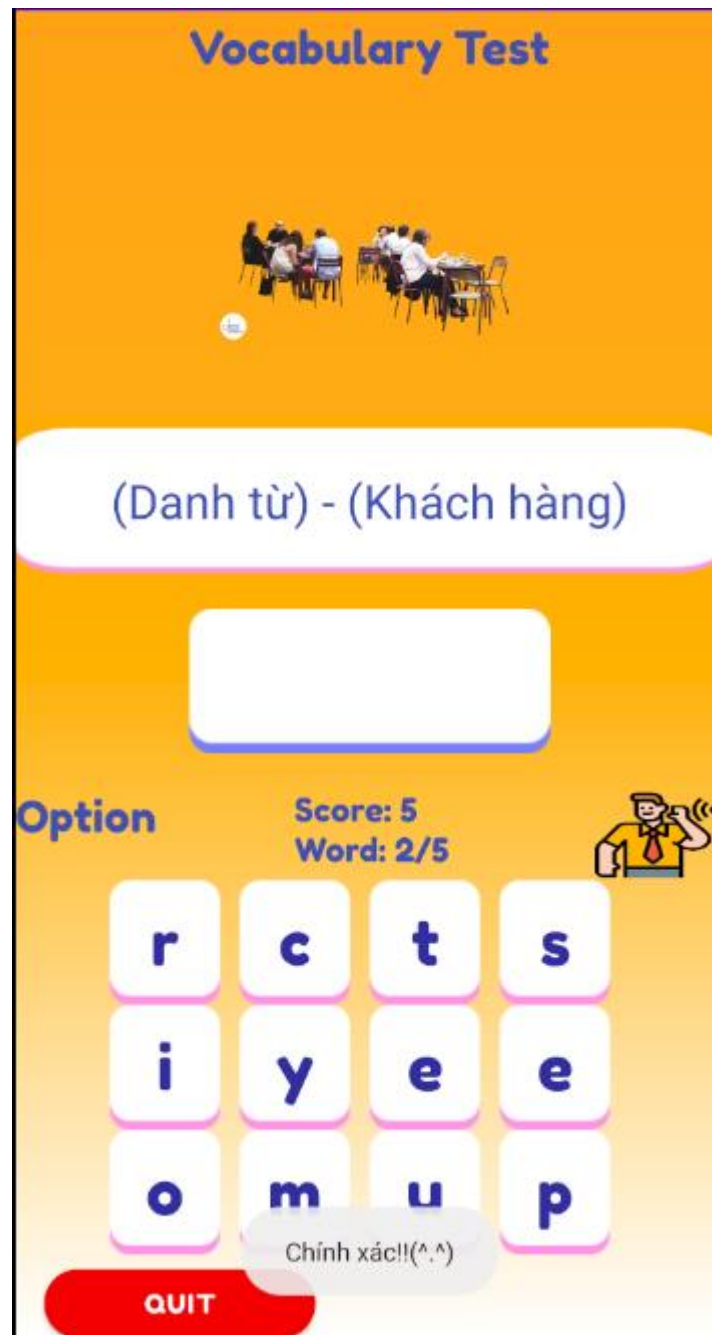


Ôn Tập

- Chọn các chữ cái đúng với từ sẽ chuyển qua câu tiếp theo, nếu sai sẽ phải nhập lại



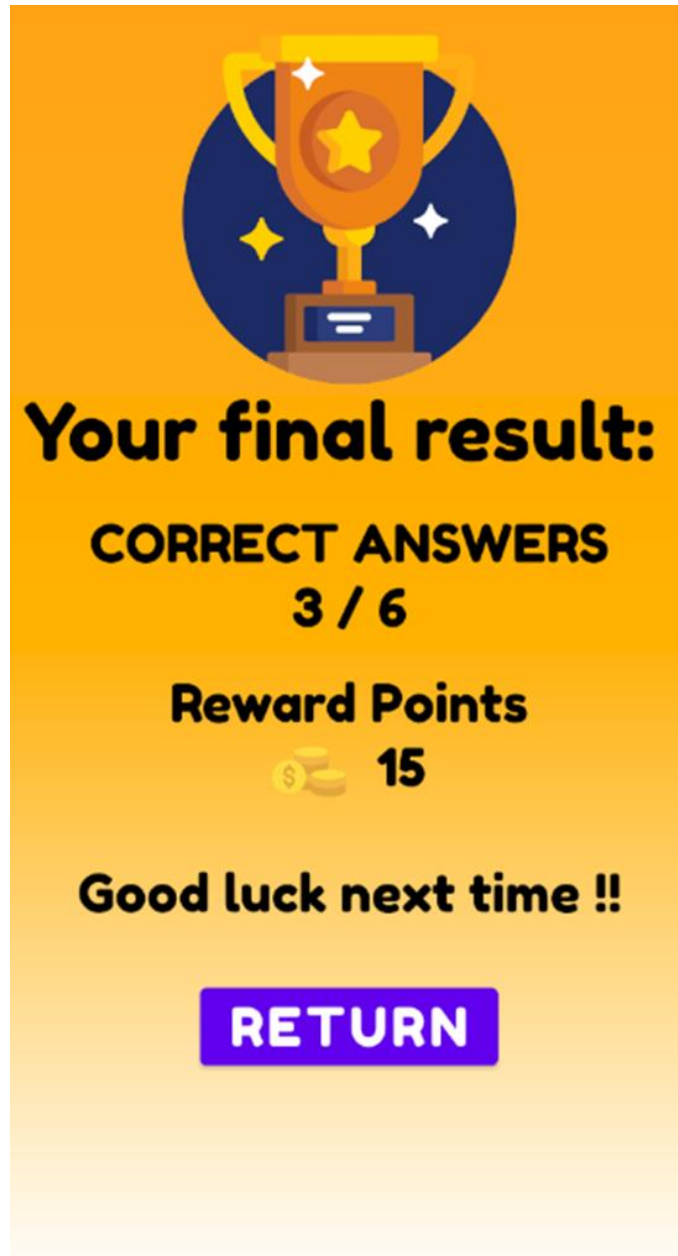
- Người dùng có thể sử dụng icon “” để nghe phát âm của từ rồi sau đó điền từ thích hợp.



-Sau khi điền đúng từ sẽ được cộng điểm và chuyển tới từ mới cùng với thông báo đã nhập đáp án chính xác ở câu trước.



- Sau khi nhập sai, câu hiện tại sẽ được nạp lại và người dùng có thể sử dụng lại câu hỏi cùng với thông báo đã nhập sai đáp án.



- Sau khi hoàn thành toàn bộ câu hỏi, người dùng có thể nhấn “RETURN” để về màn hình chính.

6.5 Sắp xếp câu

- Cũng tương tự như học từ vựng : Người dùng có thể chọn vào mục sắp xếp để vào phần sắp xếp câu
- Người dùng chọn bộ để học
- Sau đó giao diện hiện ra sẽ là :

Arrange The Sentences

Option

Score: 0

Question: 1/5

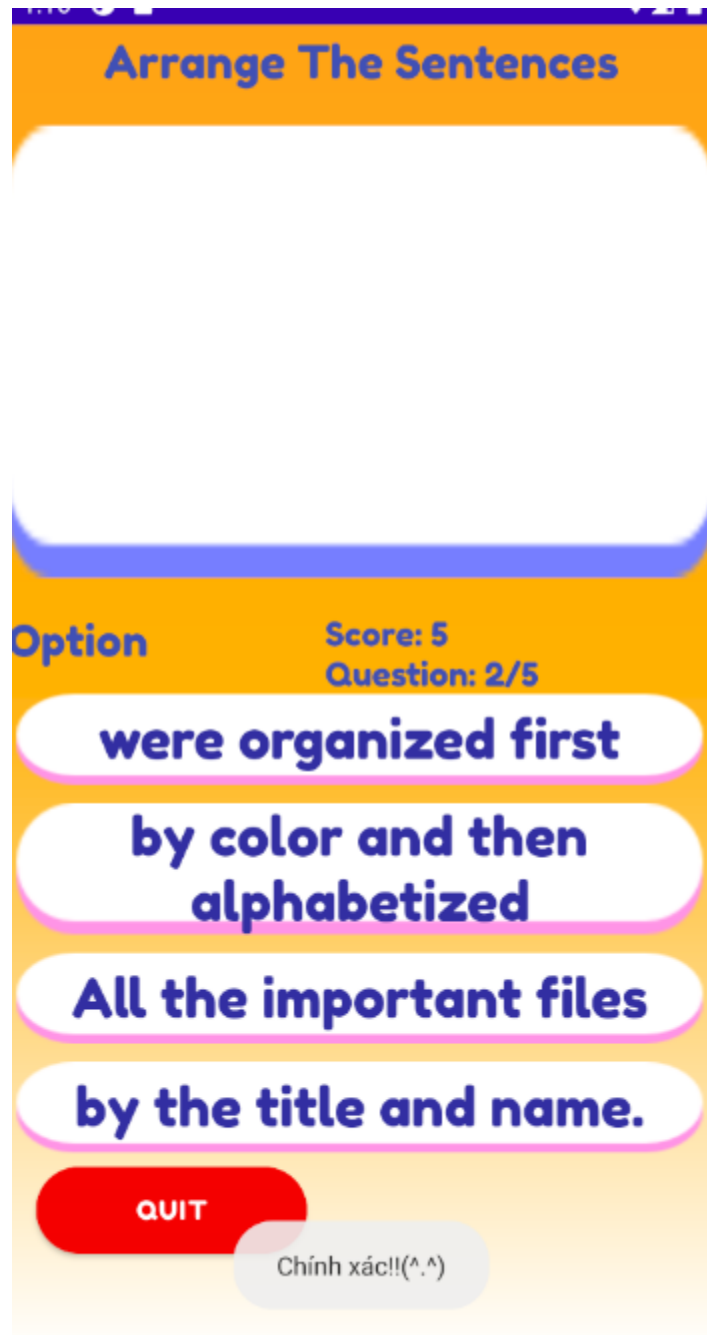
**the human resources
department**

when resigning due to

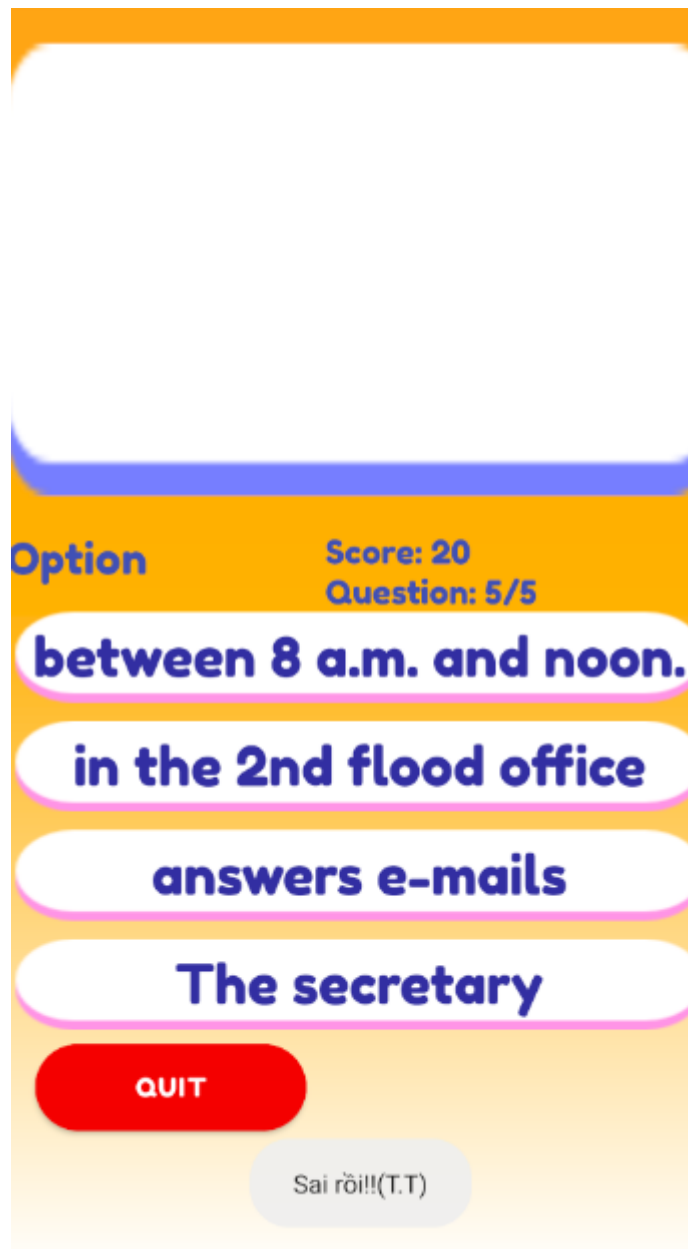
They are required to inform

**a disagreement over
company policy.**

- Chọn các đáp án theo thứ tự để hoàn thành 1 câu hoàn chỉnh



- Nếu chọn đúng sẽ được cộng điểm và chuyển đến câu tiếp theo kèm thông báo chính xác.



- Nếu chọn sai sẽ được chọn lại kèm thông báo sai.



Your final result:

CORRECT ANSWERS

3 / 6

Reward Points

 **15**

Good luck next time !!

RETURN

- Sau khi hoàn tất bộ câu hỏi có thể xem tổng kết điểm và sử dụng nút RETURN để trở về màn hình chính.

6.6 Trắc nghiệm

- Cũng tương tự như học từ vựng : Người dùng có thể chọn vào mục trắc nghiệm để vào phần trắc nghiệm
- Người dùng chọn bộ đề học
- Sau đó giao diện hiện ra sẽ là :



Score: 0



Question: 1/2 ?

They are required to inform the human resources department when resigning due a disagreement over company policy.

☐ to

☐ by

☐ on

☐ for

QUIT

CONFIRM



Question: 1/2 

Score: 5 

They are required to inform the human resources department when resigning due a disagreement over company policy.

☒ **to**

☐ **by**

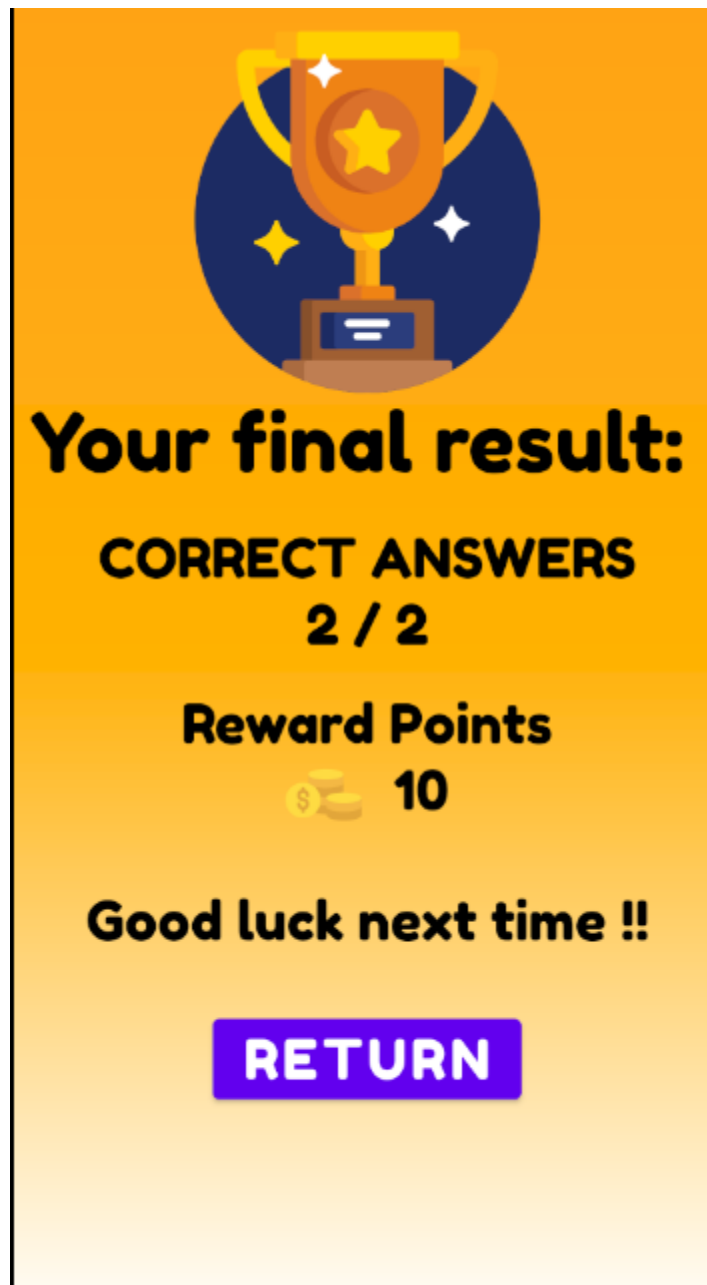
☐ **on**

☐ **for**

QUIT

CONFIRM

- Chọn đúng sẽ được cộng điểm và chuyển đến câu tiếp theo, trước đó sẽ có 1 khoản delay nhỏ hiển thị đáp án chính xác cho người dùng tham khảo.
- Chọn sai sẽ không được cộng điểm và chuyển đến câu tiếp theo
- Sau khi hoàn thành các câu hỏi của bộ



- Ứng dụng sẽ thông báo đến người dùng số câu đúng trên tổng số câu, điểm nhận được và nút RETURN để trở về màn hình chính.

6.7 Luyện nghe

- Cũng tương tự như học từ vựng : Người dùng có thể chọn vào mục luyện nghe để vào phần luyện nghe
- Người dùng chọn bộ đề học
- Sau đó giao diện hiện ra sẽ là :

Question: 1/6 ?

Score: 0



☐ A

☐ B

☐ C

☐ D

QUIT

CONFIRM

- Người dung bấm vào nút loa để nghe câu và nhìn hình ảnh để chọn đáp án đúng

Question: 1/6 ?

Score: 5



☐ A

☒ B

☐ C

☐ D

QUIT

CONFIRM

- Chọn đúng sẽ được cộng điểm và chuyển đến câu tiếp theo, trước khi chuyển câu sẽ có hiển thị đáp án chính xác của câu hỏi để người dùng tham khảo.

Question: 2/6 ?

Score: 5



☒ A

☐ B

☐ C

☐ D

QUIT

CONFIRM

- Chọn sai sẽ không được cộng điểm và chuyển đến câu tiếp theo



Your final result:

CORRECT ANSWERS

3 / 6

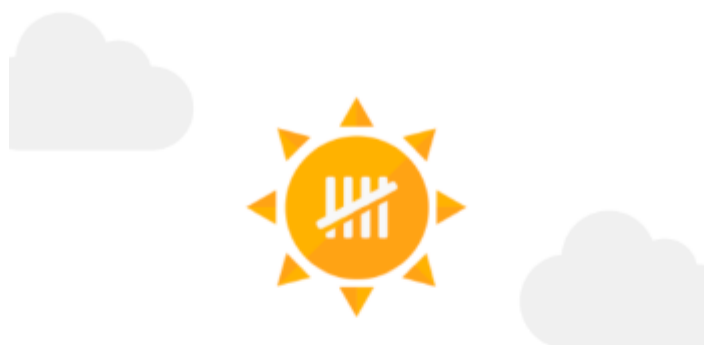
Reward Points

 **15**

Good luck next time !!

RETURN

- Sau khi hoàn thành các câu hỏi của bộ
 - Ứng dụng sẽ thông báo đến người dùng số câu đúng trên tổng số câu
- 6.8 Quên mật khẩu:**
- Trường hợp người dùng quên mật khẩu có thể nhấn vào “Quên mật khẩu” ở màn hình đăng nhập.



Ứng Dụng Học Ngôn Ngữ SunnySky

Đăng nhập để tiếp tục



Email



Mật khẩu

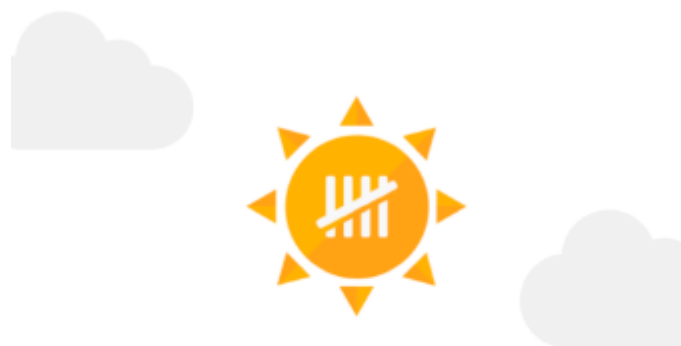


ĐĂNG NHẬP

[Quên mật khẩu?](#)

Chưa có tài khoản? **Đăng ký ngay**

- Sau đó người dùng sẽ được chuyển đến màn hình thiết lập lại mật khẩu



Thiết Lập Lại Mật Khẩu

 Email

CẬP NHẬT MẬT KHẨU

Bạn đã cập nhật lại mật khẩu? **Đăng nhập ngay**

- Điền Email đã đăng ký vào ô Email và nhấn CẬP NHẬT MẬT KHẨU để nhận được email cho phép đổi mật khẩu.

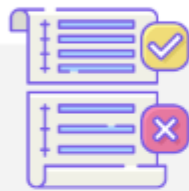
6.9 Điền khuyết câu:

- Ở màn hình chính chọn “Điền Khuyết” để sử dụng chức năng.

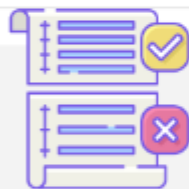


- Sau đó người dùng sẽ được chuyển đến giao diện sau:

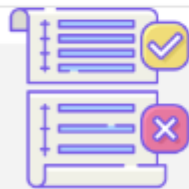
Hello **Fill the blank**



Bộ Học Tập Số 1



Bộ Học Tập Số 2

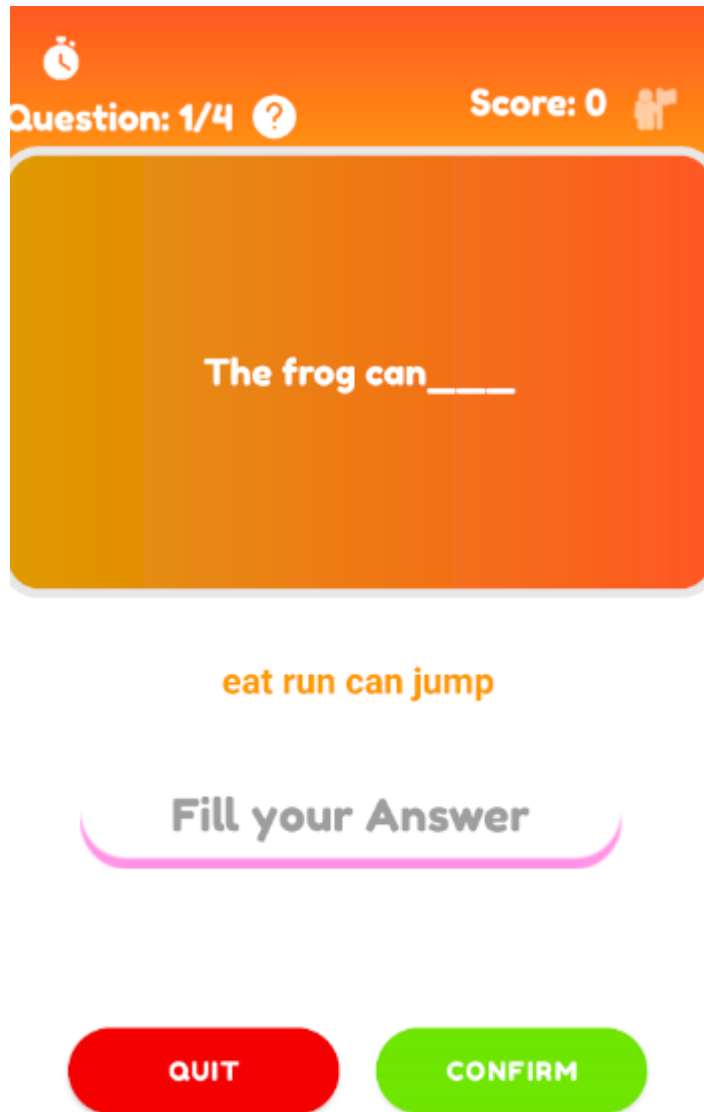


Bộ Học Tập Số 3



Bộ Học Tập Số 4

- Chọn một bộ học tập bất kì để bắt đầu:



Question: 1/4 ? Score: 0

The frog can_____

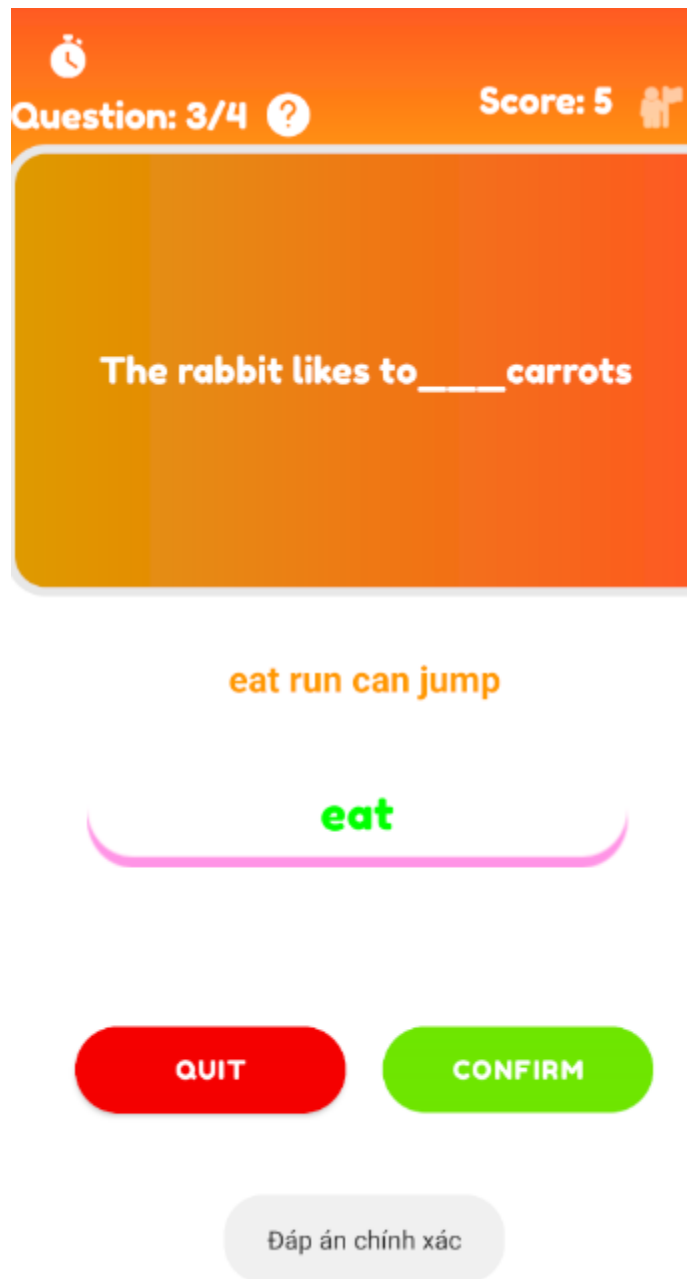
eat run can jump

Fill your Answer

QUIT CONFIRM

The image shows a quiz interface. At the top, there is an orange header bar containing a clock icon, the text 'Question: 1/4' with a question mark icon, and 'Score: 0' with a flag icon. Below the header is a large rectangular box with a vertical gradient from yellow to orange. Inside this box, the text 'The frog can_____' is displayed. Below the box, the words 'eat run can jump' are listed. Underneath these words is a pink rounded rectangular box containing the text 'Fill your Answer'. At the bottom of the interface are two rounded buttons: a red one labeled 'QUIT' and a green one labeled 'CONFIRM'.

- Người dùng sẽ nhập đáp án từ bàn phím, đáp án được gợi ý là các từ màu cam phía trên ô nhập đáp án (Fill your Answer)



- Nếu đúng sẽ được cộng điểm kèm thông báo chính xác.



Question: 2/4 ?

Score: 0



The duck ___ swim

eat run can jump

run

QUIT

CONFIRM



- Nếu sai sẽ chuyển câu hỏi đồng thời không được cộng điểm kèm thông báo đáp án sai, ngoài ra còn có hiển thị đáp án chính xác của câu hỏi sau một khoản delay.



Your final result:

CORRECT ANSWERS

2 / 4

Reward Points

 **10**

Good luck next time !!

RETURN

- Sau khi hoàn tất bộ câu hỏi người dùng có thể xem tổng số câu đúng, điểm số nhận được và nút RETURN để trở về trang chủ.